

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định thực hiện chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND (lần 2)

Ngày 15/4/2021, Sở Tư pháp đã có Báo cáo thẩm định số 86/BC-STP báo cáo kết quả thẩm định dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định thực hiện chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND. Theo đề xuất của cơ quan soạn thảo tại Công văn số 1453/SNNPPTNT-CCPTNT ngày 06/7/2021 về việc thẩm định nội dung dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 22/7/2019 của UBND tỉnh (lần 2). Sở Tư pháp đã tổ chức thẩm định và báo cáo kết quả như sau:

I. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự thảo

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định thực hiện chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

II. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo Quyết định với hệ thống pháp luật

Căn cứ Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh ban hành Quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 22/7/2019 ban hành Quy định thực hiện chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện cần có sự điều chỉnh về đối tượng, quy mô hỗ trợ trong một số lĩnh vực tại Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND. Khoản 3 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

“3. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

“Điều 12. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ bằng văn bản của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền....”.

Căn cứ quy định trên, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định thực hiện chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND là ***cần thiết và đúng thẩm quyền***.

III. Dự thảo Quyết định

1. Tên gọi dự thảo Quyết định, đề nghị điều chỉnh như sau: **“Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định thực hiện chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND”**.

2. Đề nghị bỏ căn cứ sau đây tại căn cứ ban hành dự thảo Quyết định:

“Căn cứ Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về Ban hành Quy định thực hiện chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 874/QĐ-UBND ngày 26/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về Ban hành Danh mục ngành hàng, sản phẩm ưu tiên hỗ trợ trong liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang;”.

3. Khoản 1 Điều 1

a) Đề nghị cơ quan soạn thảo không in đậm khoản 1.

b) Làm rõ nghĩa cụm từ *“cho 01 (một) chu kỳ sản xuất”* tại khoản 1 Điều 1 dự thảo. Vì sao khi quy định quy mô liên kết để được hỗ trợ cần kèm theo nội dung này và giải trình lý do vì sao bổ sung mới nội dung này so với Điều 3 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND. Trường hợp liên kết nhiều hơn một chu kỳ nêu trên thì có thực hiện được hay không.

c) Việc xác định quy mô và số lượng hộ tham gia liên kết để được hỗ trợ theo chính sách quy định tại Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND là thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của cơ quan soạn thảo, do đó, cơ quan soạn thảo cần có sự đánh giá để đưa ra yêu cầu về lĩnh vực, quy mô, số lượng hộ tham gia liên kết đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương (về điều kiện tự nhiên, nguồn vốn....) và phù hợp theo quy định của văn bản cấp trên để phát triển thế mạnh của tỉnh.

Tuy nhiên, đề nghị lưu ý: tại Điều 3 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND, ở mỗi lĩnh vực đều được xác định loại cây trồng, vật nuôi hỗ trợ cụ thể. Tuy nhiên, tại khoản 1 Điều 1 dự thảo, cơ quan soạn thảo

điều chỉnh Điều 3 theo hướng chỉ quy định cụ thể một vài loại, còn lại quy định theo hướng chung của lĩnh vực đó. Ví dụ: Lĩnh vực thủy sản thì chỉ cụ thể được đối với cá tra, lươn và tôm càng xanh; còn lại dự thảo quy định theo hướng chung là đối với các loại thủy sản khác. Tương tự đối với chăn nuôi chỉ quy định chung đối với gia súc, gia cầm và các loại vật nuôi khác... Đề nghị cơ quan soạn thảo giải trình thêm lý do vì sao chưa quy định cụ thể đối tượng hỗ trợ, quy định chung như trên có đảm bảo tính minh bạch và đảm bảo những cây trồng, vật nuôi có đặc điểm, giá trị tương tự nhau có yêu cầu về quy mô được hỗ trợ như nhau hay không. Đảm bảo được nguồn vốn để thực hiện hỗ trợ hay không.

4. Khoản 2 Điều 1

a) Đề nghị không in đậm khoản 2.

b) Trích dẫn đầy đủ tên gọi của Nghị quyết 09/2020/NQ-HĐND.

c) Đối với chính sách về đào tạo nghề tại Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”, Quyết định số 971/QĐ-TTg ngày 01 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1956/QĐ-TTg, đề nghị cơ quan soạn làm rõ thêm hiện nay đang áp dụng theo quy định nào.

5. Khoản 3 Điều 1

a) Không in đậm khoản 3 dự thảo.

b) Việc bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 6 về phân bổ nguồn vốn, đề nghị cơ quan soạn thảo thống nhất về nội dung với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

Trên đây là Báo cáo kết quả thẩm định của Sở Tư pháp kính gửi Quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Văn Phòng UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Ban Giám đốc Sở;
- Công TTĐT Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, XDKT&TDTHPL.

GIÁM ĐỐC

Cao Thanh Sơn